

Sổ tay dữ liệu 2015

Hiện trạng quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế

Mục lục

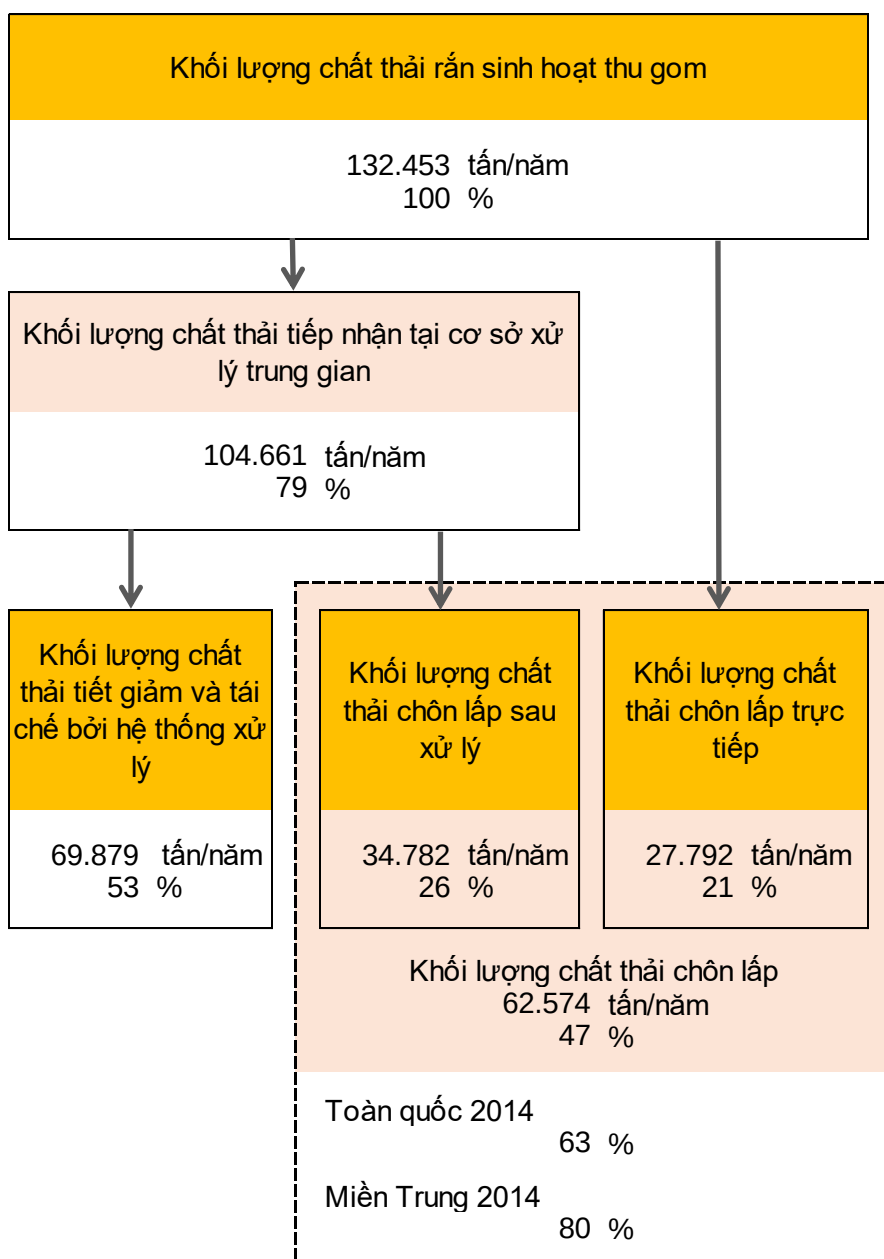
1 Toàn tỉnh	1
1.1 Dòng chất thải sinh hoạt	1
1.2 Khối lượng chất thải sinh hoạt thu gom	2
1.3 Chi phí quản lý chất thải rắn (QLCTR)	2
2 Theo huyện	3
2.1 Tỷ lệ dân số được thu gom	3
2.2 Khối lượng thu gom bình quân đầu người	3
2.3 Thu gom và vận chuyển	4
2.4 Phí vệ sinh	5
3 Xử lý và tiêu hủy chất thải	5
3.1 Vị trí các khu xử lý và bãi chôn lấp hiện tại	5
3.2 Cơ sở xử lý trung gian	6
3.3 Bãi chôn lấp	7
4 Phát triển cơ sở xử lý	9
4.1 Dự án đầu tư	9
4.2 Dự án đã phê duyệt	10
5 Thách thức trong phân loại tại nguồn	11
5.1 Dự án đang triển khai	11
5.2 Dự án mở rộng	11

Quy hoạch quản lý chất thải rắn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

**Dự án ưu tiên 4
Xây dựng “Sổ tay dữ liệu”**

1 TOÀN TỈNH

1.1 DÒNG CHẤT THẢI SINH HOẠT



Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt thu gom hàng năm là 132.453 tấn, và có khoảng 47% khối lượng thu gom được chôn lấp. Tỷ lệ này thấp hơn so với tỷ lệ chôn lấp bình quân của toàn quốc và miền Trung.

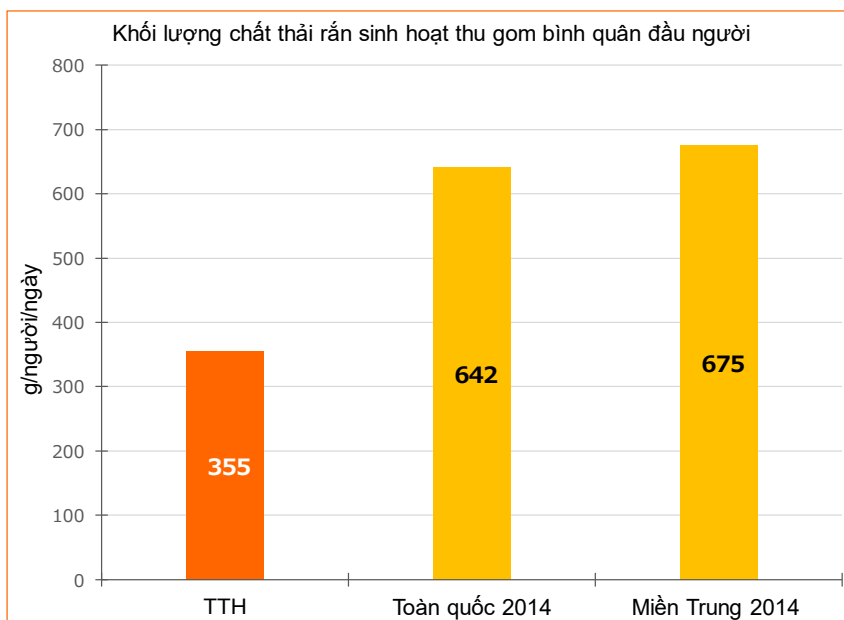
●CHUỖI DỮ LIỆU THEO THỜI GIAN●

Khối lượng chất thải thu gom bình quân đầu người

2010	341 g/người/ngày
2011	349
2012	367
2013	374
2014	385

* Dữ liệu trích từ Báo cáo quy hoạch

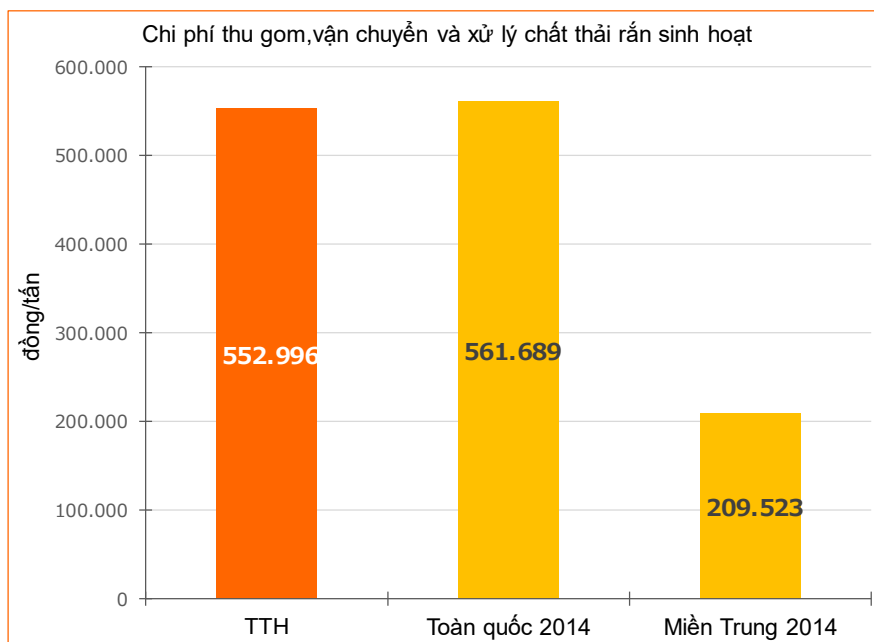
1.2 KHỐI LƯỢNG CHẤT THẢI SINH HOẠT THU GOM



Khối lượng chất thải sinh hoạt thu gom bình quân đầu người theo là 355 gr/ngày. Khối lượng này thấp hơn so với mức bình quân của toàn quốc và của miền Trung.

1.3 CHI PHÍ QUẢN LÝ CHẤT THẢI RẮN (QLCTR)

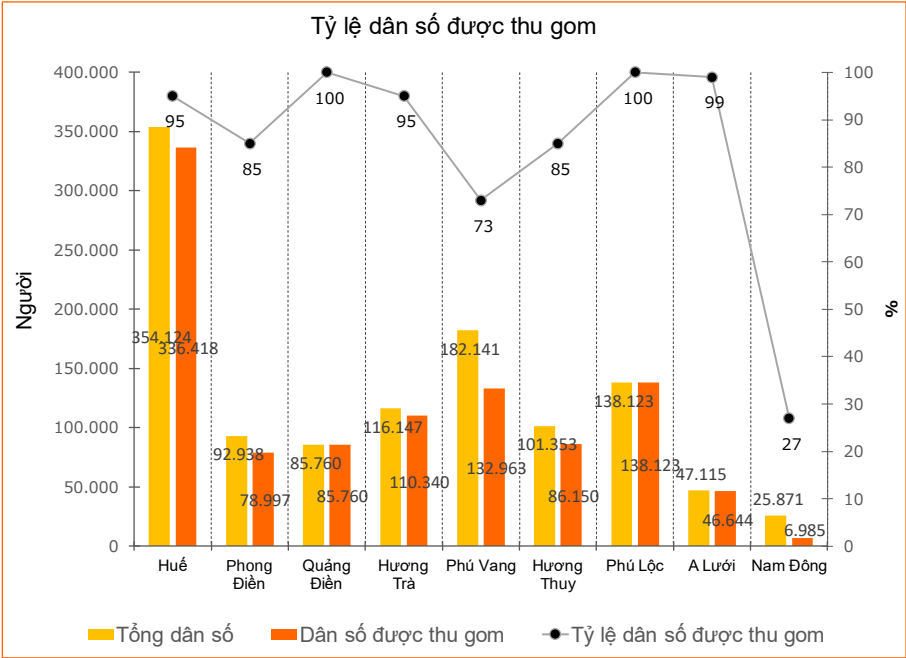
Tổng chi phí	73.246	triệu đồng
Tổng chi phí cho 1 tấn	552.996	đồng/tấn



Tổng chi phí hằng năm cho QLCTR là 73.246 triệu đồng, và chi phí QLCTR bình quân cho mỗi tấn chất thải là 552.996 đồng. Chi phí bình quân này tương đương với mức bình quân của toàn quốc và cao hơn so với mức bình quân của miền Trung.

2 THEO HUYỆN

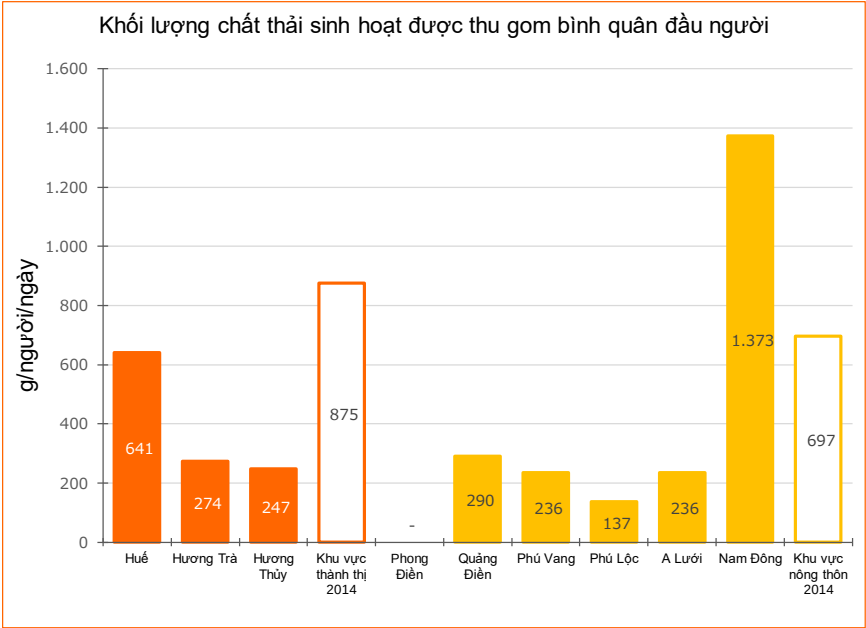
2.1 TỶ LỆ DÂN SỐ ĐƯỢC THU GOM



	Tỷ lệ dân số được thu gom (%)
TTH	89
Toàn quốc 2014	54
Miền Trung 2014	43

Tỷ lệ dân số được thu gom là 89%. Tỷ lệ này cao hơn so với mức bình quân toàn quốc và miền Trung.

2.2 KHỐI LƯỢNG THU GOM BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI



* “Khu vực thành thị” và “Khu vực nông thôn”: giá trị trung bình toàn quốc cho từng khu vực.

● CHUỖI DỮ LIỆU THEO THỜI GIAN ●

Tỷ lệ thu gom theo dân số (%)

* Dữ liệu từ Báo cáo quy hoạch

	2010	2011	2012	2013	2014
Huế	100	100	100	100	100
Phong Điền	100	100	100	100	100
Quảng Điền	100	100	100	100	100
Hương Trà	99	99	99	99	99
Phú Vang	89	89	89	89	89
Hương Thủy	97	97	97	97	97
Phú Lộc	100	100	100	100	100
A Lưới	35	35	35	35	35
Nam Đông	20	20	20	20	20

● CHUỖI DỮ LIỆU THEO THỜI GIAN ●

Khối lượng thu gom bình quân đầu người (g/người/ngày)

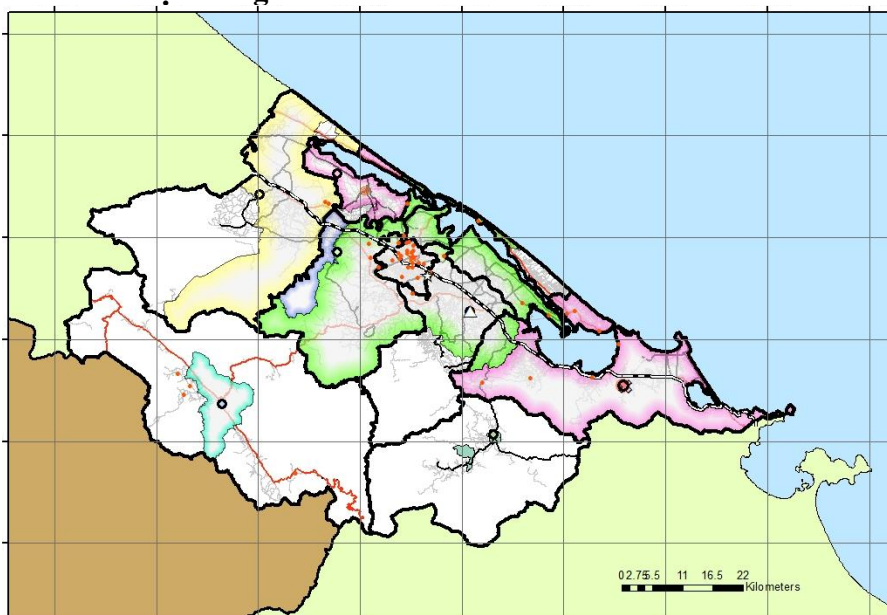
	2010	2011	2012	2013	2014
Huế	571	569	601	597	614
Phong Điền	213	223	229	239	238
Quảng Điền	215	227	226	237	235
Hương Trà	214	222	229	235	234
Phú Vang	193	199	202	210	215
Hương Thủy	208	213	221	229	228
Phú Lộc	214	225	230	234	241
A Lưới	71	69	66	65	65
Nam Đông	44	44	42	40	40

* Dữ liệu từ Báo cáo quy hoạch

Trừ huyện Nam Đông, các địa phương còn lại đều có khối lượng thu gom bình quân đầu người thấp hơn so với mức bình quân cho mỗi đối tượng (“Thành phố và thị xã” và “Huyện nông thôn”) của toàn quốc.

2.3 THU GOM VÀ VẬN CHUYỂN

● Khu vực thu gom



* Dữ liệu từ Báo cáo quy hoạch

● Hệ thống thu gom

Tần suất thu gom và vận chuyển chất thải hàng ngày hay cách nhật cơ bản tùy thuộc vào điều kiện khu vực và khoảng cách vận chuyển đến cơ sở xử lý chất thải.

● Đơn vị thu gom và vận chuyển

Tên đơn vị hành chính	Tên đơn vị thu gom và vận chuyển
TP. Huế	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Phong Điền	Đội thu gom chất thải của xã và thị trấn
Quảng Điền	Đội quản lý công trình, thu gom và xử lý chất thải
Hương Trà	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Phú Vang	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Hương Thủy	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Phú Lộc	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
A Lưới	Đội quản lý công trình và dịch vụ
Nam Đông	Doanh nghiệp tư nhân cơ khí Trường Sinh

● DỮ LIỆU ẢNH ●



Xe đẩy tay sử dụng cho hệ thống thu gom hàng ngày



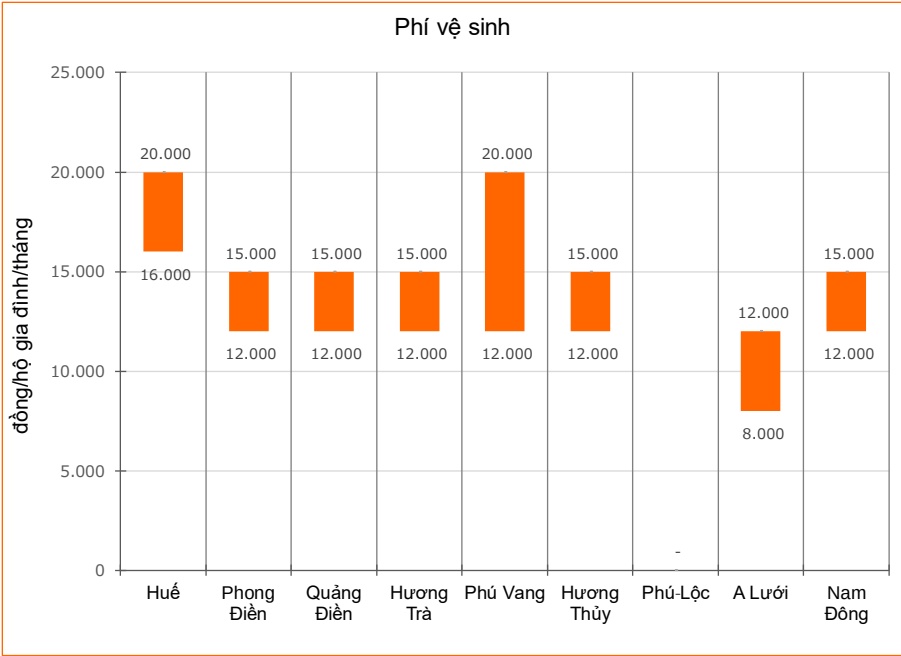
Hình ảnh thùng thu gom sử dụng ở các khu vực có tần suất thu gom thấp hơn



Hình ảnh xuống thu gom sử dụng ở các khu vực có tần suất thu gom thấp

* Dữ liệu trích từ Báo cáo quy hoạch

2.4 PHÍ VỆ SINH



● Số liệu liên quan ●

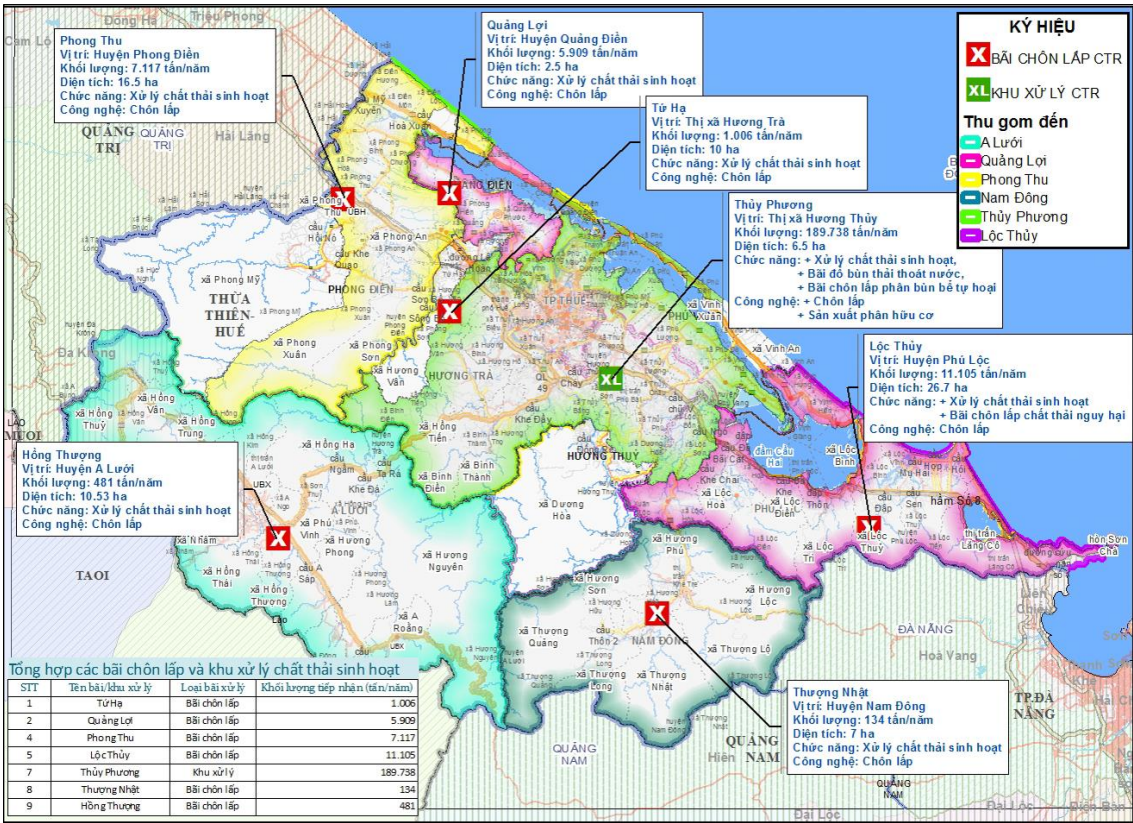
Phí vệ sinh toàn quốc 2014 (đồng/hộ gia đình/tháng)

	Thấp nhất	Cao nhất
Thành thị	18.653	24.437
Nông thôn	14.715	17.312

Mức phí vệ sinh cao nhất khoảng 16.000 – 20.000 đồng ở thành phố Huế, và thấp nhất khoảng 8.000 – 12.000 đồng ở huyện A Lưới.

3 XỬ LÝ VÀ TIÊU HỦY CHẤT THẢI

3.1 VỊ TRÍ CÁC KHU XỬ LÝ VÀ BÃI CHÔN LẤP HIỆN TẠI



* Dữ liệu trích từ Báo cáo quy hoạch

3.2 CƠ SỞ XỬ LÝ TRUNG GIAN

● Nhà máy sản xuất phân hữu cơ

- Hồ sơ

Tên công ty (Tên đơn vị vận hành)	Công ty cổ phần đầu tư và phát triển Tâm Sinh Nghĩa
Vị trí	Xã Thủy Phương, thị xã Hương Thủy
Khu vực mục tiêu	Thành phố Huế
Năm bắt đầu	2007
Diện tích nhà máy	40.000 m ²
Tỷ lệ xây dựng (= Diện tích xây dựng/ Diện tích nhà máy x 100)	25%
Công suất thiết kế	200 tấn/ngày
Thiết bị phụ	Lò đốt (9 tấn/ngày)
Tổng đầu tư	137.000 triệu đồng
Đơn giá xử lý	312.500 đồng/tấn

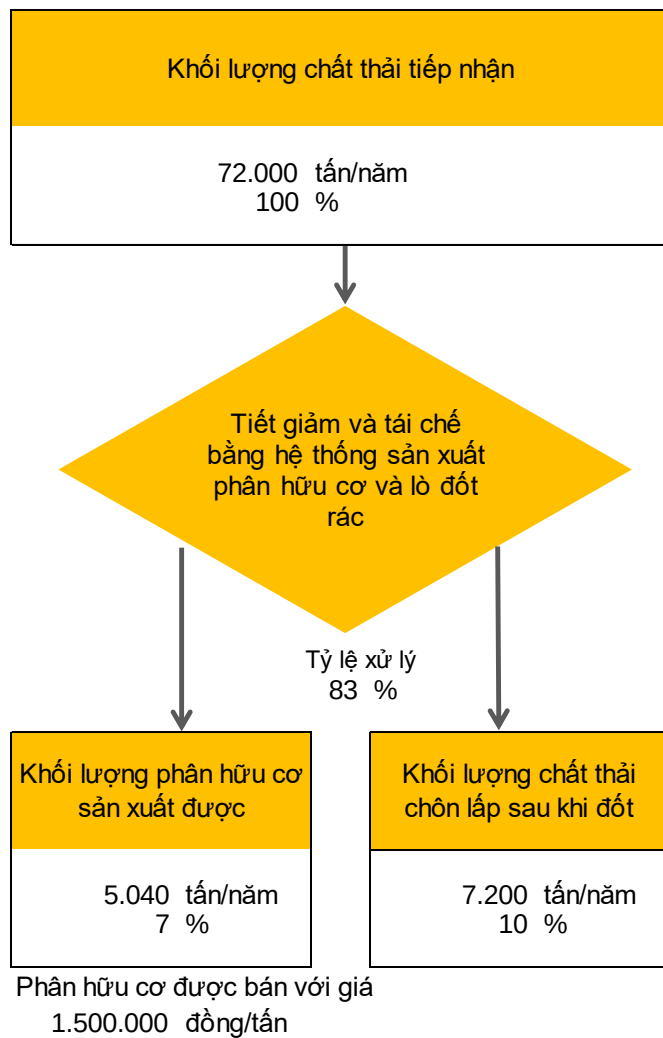
● DỮ LIỆU ẢNH ●



Lò đốt chất thải y tế nguy hại của HEPCO tại Thủy Phương

Đơn giá xử lý tương đương với đơn giá bình quân toàn quốc.

- Dòng cân bằng vật chất



3.3 BÃI CHÔN LẤP

- Hồ sơ

Tên bãi chôn lấp	Năm bắt đầu	Số năm còn lại	Tổng diện tích (m ²)	Diện tích các ô chôn lấp (m ²)	Sức chứa (m ³)	Khối lượng chất thải tiếp nhận (tấn/năm)
Thủy Phương	1999	2	142.932	23.000	380.000	41.447
Lộc Thủy	2012	35	26.700	10.285	57.417	6.337
Quảng Lợi	2016	10	25.000	18.000	108.000	9.075
Núi Thế Đại	2000	2	10.000	-	12.000	1.700
Phong Thu	2006	9	16.500	-	36.300	-
Hồng Thượng	2011	3	6.381	-	-	4.015

Nhiều bãi chôn lấp có thời gian khai thác còn lại dưới 10 năm.

- Khu vực phục vụ

Bãi chôn lấp	Khu vực phục vụ
Thủy Phương	Huế
	Hương Trà
	Hương Thủy
	Phú Lộc
Lộc Thủy	Phú Lộc
Quảng Lợi	Quảng Điền
Núi Thế Đại	Hương Trà
Phong Thu	Phong Điền
Hồng Thượng	Hương Trà

- Quản lý và vận hành

Tên bãi chôn lấp	Tên đơn vị vận hành
Thủy Phương	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Lộc Thủy	Công ty cổ phần Môi trường và Công trình Đô thị Huế
Quảng Lợi	Đội quản lý công trình, thu gom và xử lý chất thải
Núi Thế Đại	UBND phường Tứ Hạ
Phong Thu	
Hồng Thượng	Huyện A Lưới

● DỮ LIỆU ẢNH ●



Bãi chôn lấp Thủy Phương



Bãi chôn lấp Lộc Thủy



Bãi chôn lấp ở Quảng Lợi

- Kết cấu

Tên bãi chôn lấp (BCL)	Loại hình	Lớp đệm	Thu gom nước rỉ rác	Hệ thống thoát khí	Xử lý nước rỉ rác	Cầu cân trọng lượng	Thiết bị rửa xe
Thủy Phương	BCL hợp vệ sinh	Có	Có	Có	Có	Có	Có
Lộc Thủy	BCL hợp vệ sinh	Có	Có	Có	Có	Có	Có
Quảng Lợi	BCL mở	Có	Có	Có	Có	Không	Không
Núi Thế Đại	BCL mở	có	Có	Không	Không	Không	Không
Phong Thu	BCL hợp vệ sinh	Có	Có	Không	Có	Không	Không
Hồng Thượng	BCL mở	Không	Có	Không	Có	Không	Có

Có 2 bãi chôn lấp đáp ứng tất cả các yêu cầu của bãi chôn lấp hợp vệ sinh.

● DỮ LIỆU ẢNH ●



Bãi chôn lấp ở núi Thế Đại

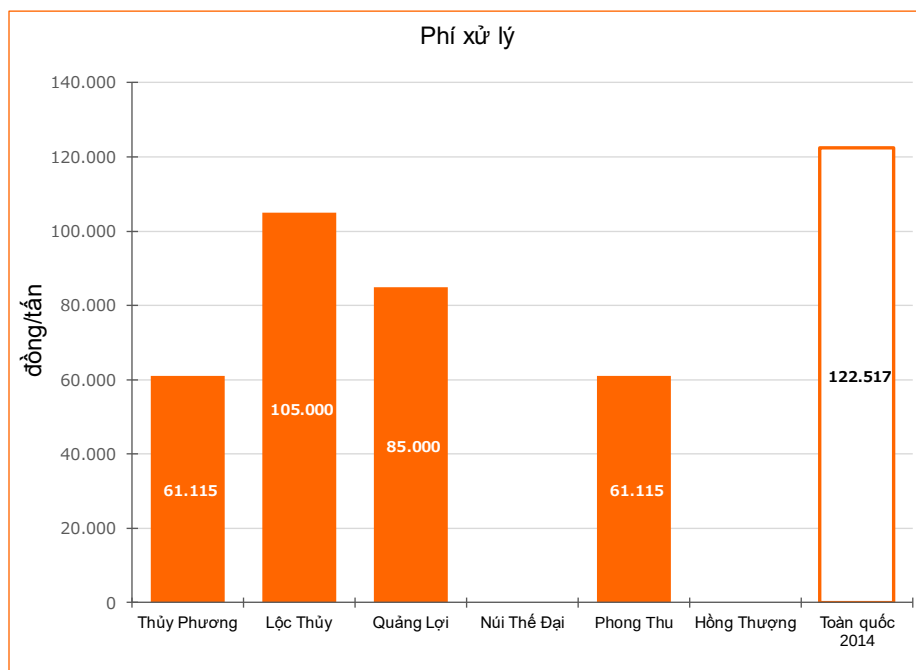


Bãi chôn lấp ở Phong Thu



Bãi chôn lấp ở Hồng Thượng

- Phí xử lý

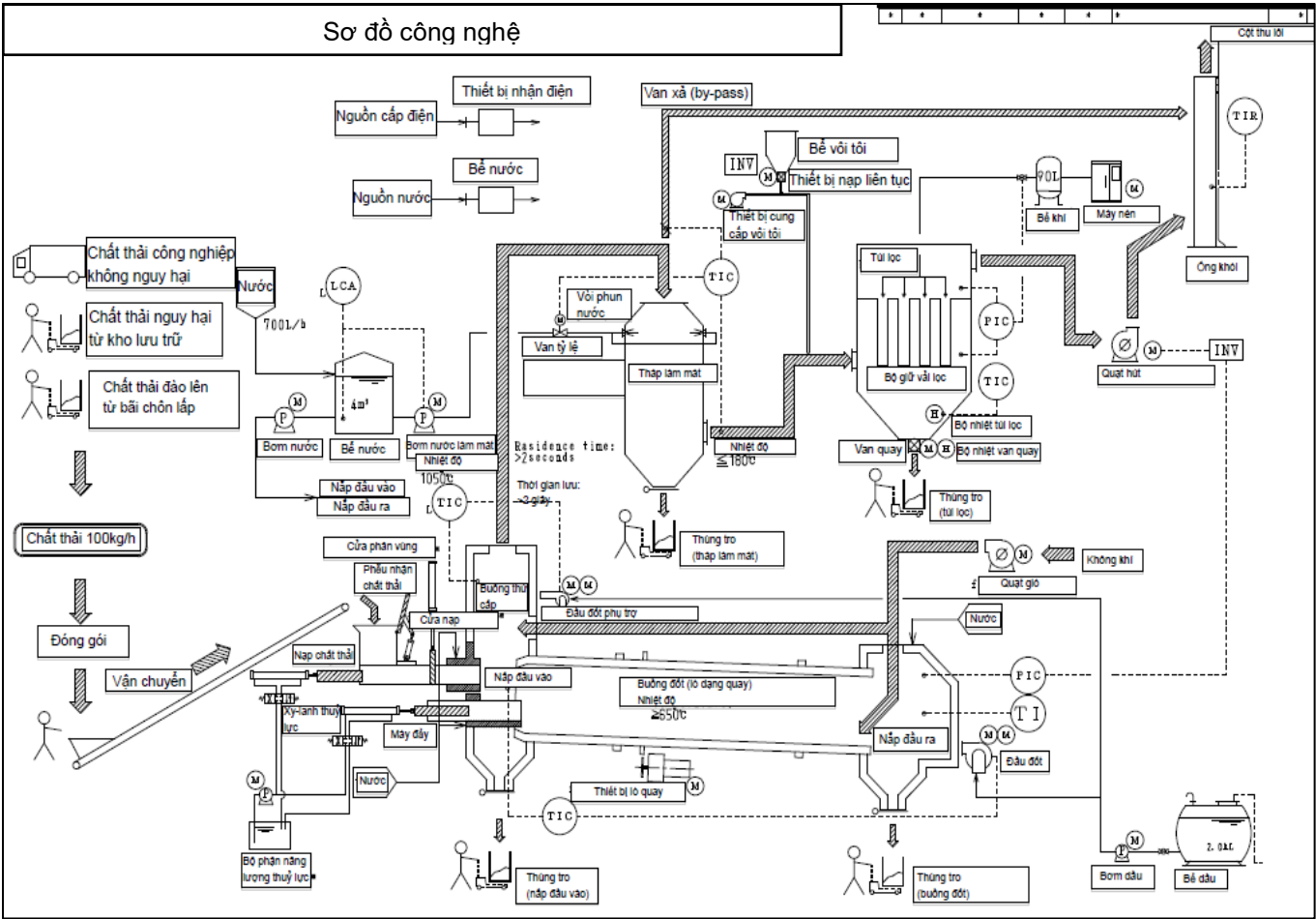


Phí xử lý của tất cả các bãi chôn lấp tại Thừa Thiên Huế đều thấp hơn so với mức bình quân chung của toàn quốc.

4 PHÁT TRIỂN CƠ SỞ XỬ LÝ

4.1 DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tên dự án	Lò đốt thử nghiệm Actree	Bãi chôn lấp tại xã Hương Bình	Cải thiện, nâng cấp xử lý chất thải
Loại hình công nghệ	Đốt	Chôn lấp	Chôn lấp, đốt
Vị trí	Phường Thủy Phương, thị xã Hương Thủy	Xã Hương Bình, thị xã Hương Trà	Xã Hồng Thượng, huyện A Lưới
Công suất thiết kế (tấn/ngày)	2,4	-	3,5
Tổng đầu tư (Triệu đồng)	8.000	-	37.228
Nguồn vốn đầu tư	ODA	-	Cơ quan chính phủ
Tiến độ dự án	Được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	-	Đang lập dự án đầu tư



Quy trình lò đốt thử nghiệm Actree

● DỮ LIỆU ẢNH ●



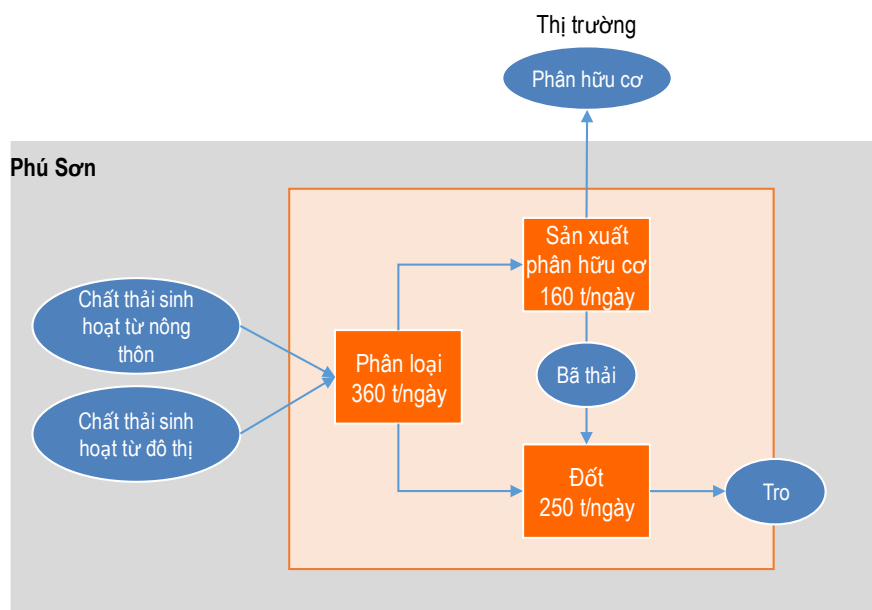
Khu vực xây dựng cơ sở xử lý chất thải tại Phú Sơn



Dự án cải thiện và nâng cấp khu vực xử lý chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh ở thị xã Hương Trà

4.2 DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT

Tên cơ sở xử lý	Cơ sở xử lý chất thải Phú Sơn	Bãi chôn lấp ở xã Quảng Lợi	Dự án cải thiện và nâng cấp khu vực xử lý chất thải sinh hoạt hợp vệ sinh ở thị xã Hương Trà
Loại hình công nghệ	Bãi chôn lấp. Cơ sở xử lý	Cơ sở xử lý	Bãi chôn lấp. Cơ sở xử lý
Tổng diện tích (ha)	40	2,5	3
Công suất thiết kế (tấn/ngày)	360	28	-
Tổng đầu tư (Triệu đồng)	417.000	19.056	29.384



Quy trình của cơ sở xử lý chất thải Phú Sơn

5 THÁCH THỨC TRONG PHÂN LOẠI TẠI NGUỒN

5.1 DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

- Tóm tắt các hoạt động

Tên khu vực	5/8 thôn ở xã Phú Xuân. huyện Phú Vang
Loại hình phân loại tại nguồn	Chất thải hữu cơ Chất thải có thể tái sử dụng và tái chế Chất thải được xử lý và chôn lấp
Tổng dân số	4.900
Thời gian bắt đầu	Tháng 8 năm 2015

5.2 DỰ ÁN MỞ RỘNG

Tên các khu vực sẽ được mở rộng	Xã Phú An. huyện Phú Vang
Loại hình phân loại tại nguồn	Chất thải hữu cơ Chất thải có thể tái sử dụng và tái chế Chất thải được xử lý và chôn lấp
Tổng dân số	9.473
Thời gian bắt đầu	2017

Sổ tay dữ liệu 2015

**Hiện trạng quản lý chất thải
tỉnh Thừa Thiên Huế**

Tháng 4, 2017

**Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa
Thiên Huế**